

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Bản án số: 86/2017/HSST

Ngày: 23-8-2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sùng A Xà.

Thẩm phán: Bà Trần Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Định.

2. Bà Hà Thị Vũ.

3. Bà Giàng Thị Yên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hải Nam, Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Lò Xuân Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai Lưu động vụ án hình sự thụ lý số: 82/HSST ngày 11/7/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên số: 82/2017/HSST ngày 01/8/2017 đối với bị cáo:

Vàng A T, sinh năm 1989, tại huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản N, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hoá: Không; dân tộc: Mông; tiền án: Không; tiền sự: Không; con ông: Vàng A D, sinh năm: 1962 và bà: Sùng Thị G, sinh năm: 1964; có vợ: Vàng Thị M, sinh năm: 1989 và có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2012; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/02/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Vàng A T: Bà Lê Thị X - Luật sư, cộng tác viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- Người phiên dịch tiếng dân tộc Mông cho bị cáo: Ông Sùng A C, sinh năm: 1994; trú tại: Tổ 16, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ ngày 28/02/2017, tổ công tác của Công an huyện Đ phối hợp với Cục Hải quan tỉnh Điện Biên làm nhiệm vụ tại khu vực bản T, xã N, huyện Đ phát hiện một xe ô tô màu xanh không rõ biển kiểm soát và một người đàn ông đang đứng bên phải cạnh ô tô và còn có một xe máy biển kiểm soát: xyz, có một người đàn ông đang ngồi trên xe máy có biểu hiện mua bán trái phép chất ma túy, tổ công tác yêu cầu kiểm tra thì xe ô tô chạy thoát, người ngồi trên xe máy chạy ra bờ suối, bơi qua suối, chạy vào rừng, tổ công tác giữ được đối tượng đứng cạnh ô tô tên là Vàng A T. Qua kiểm tra, phát hiện và thu giữ trong áo khoác của T đang mặc có một túi nylon màu đen, bên trong có 11 gói, trong đó có 06 gói được quấn bằng băng dính màu đen, 01 gói được quấn bằng nylon màu trắng và 01 gói được quấn bằng dây cao su màu vàng. Mở bên trong mỗi gói có 10 gói nhỏ bằng túi nylon màu xanh, miệng túi có nẹp kẹp nhựa, bên trong có chứa các viên nén màu xanh, màu hồng kí hiệu WY. Vàng A T khai nhận đó là hồng phiến, T cùng với Vàng A C mang đi bán thì bị bắt. Tổ công tác lập Biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, thu giữ, niêm phong vật chứng đưa Vàng A T về Cơ quan điều tra để làm rõ.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo khai nhận: Trước ngày bị bắt khoảng một tuần, bị cáo nhận được điện thoại của một người tên là T2 ở huyện T đặt vấn đề mua hồng phiến, T nhận lời và hai bên hẹn gặp nhau tại cổng Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên. Thông cùng với Vàng A C (C là người cùng bản với T) đến gặp T2, T2 đặt mua 110 gói trở lên với giá 5.000.000,đ/gói. T đồng ý rồi cùng C đi về nhà, T sang gặp Sùng A S (S là người cùng bản với T), hỏi S có tiền thì đưa cho T sang Lào lấy hồng phiến về bán để chia nhau lãi. Sáng ngày 26/02/2017, T đi sang bản P - Lào gặp Ly A P người Mông bên Lào đặt vấn đề mua hơn một trăm gói hồng phiến giá 4.000.000,đ/gói (bốn triệu đồng một gói). T gọi điện cho S hẹn mang tiền ra mua hồng phiến, S đồng ý. Sáng ngày 27/02/2017, S gọi cho T hẹn gặp nhau ở khu vực biên giới, T nói lại cho P biết việc S đã mang tiền ra, P mang một hộp bìa caton đựng hồng phiến cùng T đi xe máy, đến điểm hẹn khu vực biên giới thì gặp S, C. S và P thỏa thuận giá 4.000.000,đ/gói, S đã trả trước cho P 300.000.000,đ (ba trăm triệu đồng) để lấy 110 gói, nợ lại 140.000.000,đ (một trăm bốn mươi triệu đồng). Mua được hồng phiến, S, T và C đi về nhà. Đến tối, T gọi điện cho T2 hẹn địa điểm giao dịch mua bán tại khu vực bản T, cách trung tâm xã N khoảng 2km. Đến 06 giờ sáng ngày 28/02/2017, T2 điện cho T hẹn gặp tại thành phố Đ để xem tiền, T nhất trí và đến nhà S lấy 110 gói hồng phiến mang đi bán, S, C và Vàng A D đi trước cảnh giới, T đi sau. Đến bản T, xã N, T đưa lại hồng phiến cho S cầm và cùng C đi xe máy ra thành phố Đ để gặp T2 và bạn của T2 tại vòng xuyến, khu vực tượng đài, xem tiền xong, thống nhất quay lại bản T, xã N lấy lại 110 gói hồng phiến từ S. T cùng C đang giao dịch mua bán với T2 và C2 thì bị công phát hiện bắt quả tang còn S, D và C chạy thoát.

Tại bản Cáo trạng số: 35/QĐ-VKS-P1 ngày 10/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Vàng A T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên nội dung trong bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194/BLHS, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46/BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Vàng A T mức án tù Chung thân.

Người bào chữa cho bị cáo đồng ý với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Vàng A T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194/BLHS. Tuy nhiên, bị cáo là dân tộc thiểu số, sống ở khu vực vùng sâu, vùng xa, trình độ hiểu biết pháp luật có phần còn hạn chế và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46/BLHS, xử phạt bị cáo mức án tù có thời hạn, để bị cáo sớm trở về gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở đã xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và người bào chữa cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Vàng A T không thắc mắc gì về bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên. Bị cáo công nhận quá trình bắt giữ, niêm phong vật chứng, mở niêm phong xác định trọng lượng, trích lấy mẫu gửi giám định, bị cáo đều được chứng kiến. Lời khai nhận tội của bị cáo Vàng A T tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 13 giờ 30 phút ngày 28/02/2017; Biên bản niêm phong vật chứng hồi 14 giờ 30 phút ngày 28/02/2017 và Biên bản mở niêm phong xác định trọng lượng hồi 14 giờ ngày 01/3/2017; 110 túi chứa 22.130 viên, cân được 2.106,93 gam, trích lấy mỗi gói 05 viên màu hồng và 01 viên màu xanh làm mẫu gửi giám định.

Tại bản Kết luận giám định số: 305/GĐ-PC54 ngày 28/3/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

“- Mẫu vật gửi giám định được trích ra từ vật chứng thu giữ của Vàng A T là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

- Tổng trọng lượng vật chứng thu giữ của Vàng A T là 2.106,93 gam.”

Từ các chứng cứ trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Bị cáo Vàng A T đã phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, tội phạm được quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194/BLHS. Bởi vậy, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân

dân tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Vàng A T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm e khoản 4 Điều 194/BLHS là chính xác.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194/BLHS, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46/BLHS, xử phạt bị cáo Vàng A T tù Chung thân về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo vì bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn (có Biên bản xác minh hoàn cảnh kinh tế gia đình), miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Về vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số Methamphetamine có trong vụ án, cụ thể: 21.470 viên = 2.042,69 gam Methamphetamine (đã trích mẫu gửi giám định); tịch thu, bán sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động loại bàn phím B222, màu đen xám, nhãn hiệu mobiistar đã cũ, thu giữ của Vàng A T, 01 điện thoại di động loại bàn phím màu đen xám, nhãn hiệu NOKIA đã cũ, thu giữ của Vàng A T; trả lại cho bị cáo Vàng A T: 01 điện thoại di động loại bàn phím M 269, màu đỏ đen nhãn hiệu mobell đã cũ thu giữ của Vàng A T, 01 giấy phép lái xe số: 1101410039xy mang tên Vàng A T cấp ngày 11/9/2014, 01 chiếc ví giả da màu nâu, cũ đã qua sử dụng, 01 mũ bảo hiểm có cầm màu vàng xám nhãn hiệu ASIA và 01 thẻ liên đoàn truyền giáo phúc âm, hội thánh phúc âm mang tên Vàng A T có giá trị đến ngày 30/9/2018. Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Vàng A T nhất trí về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa; căn cứ vào trọng lượng ma túy Methamphetamine, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở khu vực vùng sâu, vùng xa, nhận thức pháp luật có phần còn hạn chế, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194/BLHS, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46/BLHS đối với bị cáo, xử phạt bị cáo mức án tù có thời hạn. Việc đề nghị của Luật sư bào chữa về xử phạt bị cáo mức án tù có thời hạn đã được Kiểm sát viên đối đáp và không chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của người bào chữa về hình phạt đối với bị cáo là không tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận, còn các đề nghị khác là có căn cứ, cần chấp nhận.

Trong hồ sơ còn thể hiện đối tượng Sùng A S, Vàng A C, Vàng A D qua công tác xác minh các đối tượng này đã bỏ trốn, không có mặt tại địa phương. Vì vậy, đề Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ sau là phù hợp. Đối tượng Ly A P là người bán ma túy cho bị cáo và các đối tượng Vàng A T2, C2 là người đến mua ma túy của Thông, do bị cáo không biết địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Tại phiên tòa, bị cáo Vàng A T công nhận trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo không bị ép cung, việc bị cáo khai tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo không có khiếu nại về hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký Tòa án. Do đó, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thu thập hợp

pháp, việc thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa là hoàn toàn khách quan, không oan, sai.

Xét về tính chất của vụ án thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án này mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng, được quy định tại đoạn 4 khoản 3 Điều 8/BLHS. Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi, nhận thức được hành vi mua bán trái phép các chất ma túy là vi phạm pháp luật, song, bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi đó của bị cáo đã xâm hại đến sự độc quyền quản lý về các chất ma túy của Nhà nước. Do đó, khi xem xét, quyết định hình phạt cần áp dụng mức hình phạt thỏa đáng đối với bị cáo mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm về ma túy và cải tạo giáo dục các bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo thì thấy:

Bị cáo Vàng A T từ nhỏ sống phụ thuộc gia đình tại bản N, xã H, huyện Đ, bị cáo không được đi học; năm 2007, bị cáo xây dựng gia đình; ngày 28/02/2017, bị cáo bị bắt quả tang về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo không có các tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 48/BLHS. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống tại vùng sâu, vùng xa không được học hành. Sau khi bị bắt, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, các tình tiết này được quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46/BLHS, nên khi xem xét quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy cần giảm nhẹ phần nào cho bị cáo.

Xét về vật chứng của vụ án: Cần áp dụng Điều 41/BLHS và Điều 76/BLTTHS để xử lý vật chứng.

- Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ số Methamphetamine có trong vụ án, cụ thể: 21.470 viên = 2.042,69 gam Methamphetamine (đã trích mẫu gửi giám định).

- Tịch thu bán sung ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động loại bàn phím B222, màu đen xám, nhãn hiệu mobiistar đã cũ, thu giữ của Vàng A T.

+ 01 (một) điện thoại di động loại bàn phím màu đen xám, nhãn hiệu NOKIA đã cũ, thu giữ của Vàng A T.

Đây là phương tiện phạm tội Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu để bán sung quỹ Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo Vàng A T:

+ 01 (một) điện thoại di động loại bàn phím M 269, màu đỏ đen nhãn hiệu mobell đã cũ thu giữ của Vàng A T.

+ 01 (một) giấy phép lái xe số: 1101410039xy mang tên Vàng A T. Cấp ngày 11/9/2014.

+ 01 (một) chiếc ví giả da màu nâu, cũ đã qua sử dụng.

+ 01 (một) mũ bảo hiểm có cầm màu vàng xám nhãn hiệu ASIA.

+ 01 (một) thẻ liên đoàn truyền giáo phúc âm, hội thánh phúc âm mang tên Vàng A T. Có giá trị đến ngày 30/9/2018.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 06/6/2017)

Xét về án phí: Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 99/BLTTHS và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Vàng A T phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Hình phạt: Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194/BLHS; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46/BLHS. Xử phạt bị cáo Vàng A T tù Chung thân; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (ngày 28/02/2017).

3. Vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 41/BLHS và điểm a khoản 2 Điều 76/BLTTHS để xử lý vật chứng.

** Tịch thu tiêu hủy:*

Toàn bộ số Methamphetamine có trong vụ án, cụ thể: 22.130 viên = 2.106,93 gam, đã trích: 660 viên = 64,24 gam, còn lại: 21.470 viên = 2.042,69 gam Methamphetamine.

** Tịch thu bán sung ngân sách Nhà nước:*

+ 01 (một) điện thoại di động loại bàn phím B222, màu đen xám, nhãn hiệu mobiistar đã cũ, thu giữ của Vàng A T.

+ 01 (một) điện thoại di động loại bàn phím màu đen xám, nhãn hiệu NOKIA đã cũ, thu giữ của Vàng A T.

** Trả lại cho bị cáo Vàng A T:*

+ 01 (một) điện thoại di động loại bàn phím M 269, màu đỏ đen nhãn hiệu mobell đã cũ thu giữ của Vàng A T.

+ 01 (một) giấy phép lái xe số: 1101410039xy mang tên Vàng A T. Cấp ngày 11/9/2014.

+ 01 (một) chiếc ví giả da màu nâu, cũ đã qua sử dụng.

+ 01 (một) mũ bảo hiểm có cầm màu vàng xám nhãn hiệu ASIA.

+ 01 (một) thẻ liên đoàn truyền giáo phúc âm, hội thánh phúc âm mang tên Vàng A T. Có giá trị đến ngày 30/9/2018.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 06/6/2017)

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 99/BLTTHS và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm về án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/8/2017) lên Tòa án nhân dân cấp cao./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng HCTP-Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- UBND (T/báo);
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Sùng A Xà